

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 29/2021/HS - ST

Ngày: 23/7/2021.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Ngọ** và Ông **Đỗ Quang Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST - HS, ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST – HS, ngày 11 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo: **BÙI VĂN H**, sinh ngày: 26/01/1975 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm H, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Duy K và con bà: Đào Thị M; Có vợ là: Dương Thị H và có 03 (Ba) con (có 01 con vừa sinh ngày 01/7/2021); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/12, sau đó làm ăn, sinh sống tại xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2018 kết hôn và chuyển đến thôn V, xã Trần P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn làm ăn, sinh sống.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/02/2021 đến ngày 02/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, nay tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại: Nguyễn Văn H1** – sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Phạm Văn C** – sinh năm 1980; Trú tại: xóm Y, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt có lý do – có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Bùi Thị H** – sinh năm 1978; Trú tại: xóm B, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Những người làm chứng:

1. **Vũ Trường G** – sinh năm 1978. Địa chỉ: xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt có lý do)

2. **Dương Thị H** – sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt có lý do)

3. **Ma Thị T** – sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2019, Bùi Văn H đến gặp anh Nguyễn Văn H1, trú tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Bắc Kạn (anh H1 trước đây là anh rể của vợ H là chị Dương Thị H) để hỏi anh H1 vay tiền mua xe ô tô phục vụ công việc kinh doanh. Tuy nhiên, anh H1 không cho H vay tiền mà thỏa thuận H1 mua xe ô tô sau đó cho H thuê lại. H đồng ý, H1 bảo H đi tìm xe để mua. Do có quen biết với anh Vũ Trường G, trú tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên từ trước và biết anh G có xe ô tô bán nên H đã liên hệ và hỏi mua xe ô tô với anh G. Khoảng 13 giờ ngày 06/6/2019, H cùng với anh Nguyễn Văn H1 đến xưởng cưa của anh G tại xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để xem và mua chiếc xe ô tô mang BKS 11K - 3032. Sau khi xem xe xong anh H1 và anh G thỏa thuận giá cả là 90.000.000 đồng và làm giấy tờ mua bán xe, anh H1 lấy tiền của mình đem theo trả cho anh G số tiền 90.000.000 đồng. Sau khi mua được xe ô tô BKS 11K - 3032 thì anh H1 đi xe ô tô của mình về nhà còn Bùi Văn H điều khiển chiếc xe BKS 11K -3032 về nhà anh H1. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 07/6/2019 H mang giấy tờ đến nhà anh H1 và làm giấy tờ thuê xe ô tô trên, với thời hạn 01 tháng, sau đó mang xe về và sử dụng, lúc đó có bà Ma Thị T (vợ của anh H1) biết sự việc. Sau khi thuê xe, H đã trả cho anh H1 03 lần với số tiền 20.000.000 đồng tiền thuê xe nhưng sau đó thì không trả nữa. Đến tháng 8 năm 2019, Bùi Văn H mang xe ô tô BKS 11K - 3032 đến nhà anh Phạm Văn C tại xóm Y, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và bán cho anh C với giá 45.000.000 đồng. Sau đó, anh C bán lại chiếc xe ô tô trên cho một người không rõ tên tuổi và địa chỉ tại Vĩnh Phúc. Anh Nguyễn Văn H1 sau nhiều lần đòi lại xe ô tô của mình mà H không trả, ngày 24 tháng 8 năm 2020 đã làm đơn đến Công an huyện C đề nghị giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL - HĐĐGTS ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (Một) xe ô tô BKS 11K - 3032, loại xe tải tự đổ, nhãn hiệu THACO, số máy 0709860A, số khung 015236, năm sản xuất 2007, nước sản xuất Việt Nam, tải trọng 2000, tự trọng 3.600, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2007, xe cũ đã qua sử dụng có trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, Bùi Văn H thừa nhận chiếc xe ô tô là của anh Nguyễn Văn H1, do anh H1 mua và trả tiền mua xe, chữ ký trong giấy tờ thuê xe là của H. Lời khai này là phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn H1 và anh Vũ Trường G. Tuy nhiên, H không thừa nhận được thuê xe của anh H1, mà cho rằng chiếc xe ô tô là của H, H chỉ mượn tiền của anh H1 để mua xe ô tô, số tiền 20.000.000đ H trả cho anh H1 là tiền lãi, giấy tờ thuê xe ô tô với anh H1, khi H ký là giấy trắng (chưa có nội dung) và H cũng không thừa nhận được bán xe cho anh Phạm Văn C, mà chỉ là cầm cố tài sản với giá 45.000.000. Lời khai này của H là không phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn H1, anh Phạm Văn C và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra: anh Nguyễn Văn H1 khai, anh H1 đã bỏ số tiền 90.000.000đ để mua xe ô tô BKS 11K - 3032, sau đó cho Bùi Văn H thuê lại, có làm giấy thuê xe là 01 tháng, H đồng ý và ký vào giấy tờ. Tuy nhiên, sau đó H không thực hiện đúng hợp đồng và đã bán chiếc xe trên không được sự đồng ý của anh H1. Việc H khai không được thuê xe ô tô, mà chỉ là vay tiền của anh H1 mua xe là không đúng sự thật.

Anh Vũ Trường G khai: Vào ngày 06/6/2019, anh Nguyễn Văn H1 đến nhà anh để mua xe, đi cùng anh H1 là Bùi Văn H. Anh đã bán chiếc xe ô tô BKS 11K -3032 cho anh Nguyễn Văn H1 với số tiền 90.000.000 đồng, khi mua bán anh H1 và anh G có làm giấy tờ mua bán và anh H1 trực tiếp trả tiền mua xe cho anh G.

Anh Phạm Văn C khai: Vào khoảng tháng 8 năm 2019, anh Bùi Văn H mang xe ô tô BKS 11K - 3032 đến bán cho anh C với giá 45.000.000 đồng. Việc mua bán có viết giấy tờ nhưng hiện không nhớ để ở đâu. Cũng trong năm 2019 anh C đã bán xe ô tô trên cho một người không rõ tên tuổi và địa chỉ cụ thể ở tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT - VKSCM, ngày 24 tháng 4 năm 2021 và tại công văn số 532/CV – VKS ngày 09 tháng 6 năm 2021 (Ý kiến sửa đổi, bổ sung cáo trạng) Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Bùi Văn H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2, điều 175/BLHS.

*** Điều luật có nội dung:** *"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000*

đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

... ”.

Tại phiên toà: * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt chính: đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo H từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 48/BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo H và người bị hại Nguyễn Văn H1 như sau:

Bị cáo Bùi Văn H có trách nhiệm phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Được trừ vào số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền là: 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

* Bị cáo H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại như viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo thừa nhận: được thuê xe của anh H1 và đã không thực hiện theo thoả thuận khi thuê xe, đã tự ý mang xe của anh H1 đi bán khi

chưa được phép của anh H1. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và truy tố là chưa hoàn toàn chính xác. Bị cáo xin thành khẩn khai nhận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Do giữa bị cáo Bùi Văn H và người bị hại Nguyễn Văn H1 có mối quan hệ họ hàng, nên ngày 07/6/2019 tại nhà anh Nguyễn Văn H1 thuộc thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Bắc Kạn, giữa bị cáo H và anh H1 đã ký kết với nhau một giấy thuê xe, theo đó anh H1 đã cho Bùi Văn H thuê 01 (Một) chiếc xe ô tô BKS 11K - 3032, loại xe tải tự đổ, nhãn hiệu THACO, xe cũ đã qua sử dụng để bị cáo H phục vụ kinh doanh. Hai bên cùng thống nhất giấy thuê xe ghi ngày 06/6/2019. Theo nội dung thoả thuận trong giấy thuê xe thì bị cáo H sẽ hoàn trả xe cho anh H1 sau 01 tháng. Tuy nhiên, sau khi thuê được xe của anh H1, do cần tiền tiêu dùng cá nhân nên vào tháng 8 năm 2019 H đã tự ý đem chiếc xe ô tô đến bán cho anh Phạm Văn C ở xóm Y, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) mà không có sự đồng ý của anh H1. Số tiền này, H đã chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại. Chiếc xe ô tô BKS 11K - 3032, xe cũ đã qua sử dụng mà H chiếm đoạt trị giá: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe.

Lời khai nhận của bị cáo về cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Bùi Văn H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2, điều 175/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và thực tế gia đình bị cáo đã nộp một khoản tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C để mục đích bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 nên bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự nguyện bồi thường thiệt hại”, bị cáo có bố đẻ là ông Bùi Duy K được thưởng huy chương, bị cáo là lao động chính trong gia đình – theo quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần thiết bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng điều 65/BLHS cho bị cáo H được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

[5] Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Văn H1 vẫn giữ nguyên quan điểm: yêu cầu bị cáo H bồi thường cho anh số tiền 50.000.000đ là giá trị của chiếc xe ô tô của anh mà bị cáo H đã chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

- Tại phiên tòa: + Bị cáo H nhất trí với yêu cầu bồi thường của người bị hại Nguyễn Văn H1 và đề nghị được trừ vào khoản tiền gia đình bị cáo đã nộp trước 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Thị H (em gái của bị cáo H) vẫn giữ nguyên quan điểm là số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) chị đã nộp là do bị cáo H tác động để bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1. Chị nhất trí với ý kiến của bị cáo H. Chị không yêu cầu bị cáo H phải trả lại chị số tiền này.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại, sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với người có quyền lợi liên quan Phạm Văn C là người đã trực tiếp mua chiếc xe ô tô BKS 11K - 3032, loại xe tải tự đổ, nhãn hiệu THACO, xe cũ đã qua sử dụng nhưng anh C không biết xe ô tô này là tài sản do H phạm tội mà có, do vậy cơ quan công an không xem xét xử lý đối với anh C là đúng quy định. Quá trình điều tra anh C không yêu cầu bồi thường. Anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh C không yêu cầu bồi thường, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ngày 21/12/2020, chị Dương Thị H (là vợ của bị cáo Bùi Văn H) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 USB bên trong có 02 tập tin ghi âm. Ngày 22/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra nội dung trong tập tin ghi âm trên, kết quả: Tập tin thứ nhất là cuộc nói chuyện giữa anh Nguyễn Văn H1 và Bùi Văn H, trong đó cả hai có nói về một chiếc xe ô tô nhưng không rõ thông tin đó là chiếc xe nào; Ngoài ra còn có nội dung anh H1 nói H vay 60.000.000 đồng nhưng không trả, H không thừa nhận được vay tiền. Tập tin thứ hai ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại của Bùi

Văn H nhưng chỉ ghi được lời nói của H mà không rõ nói với ai nên không đánh giá được nội dung.

[7] Trong vụ án này có chị Dương Thị H (vợ của bị cáo H) đi cùng H đến nhà anh C để bán chiếc xe trên nhưng chị H không biết chiếc xe ô tô BKS 11K - 3032 là của anh H1 và không biết giao dịch dân sự giữa H1 và H, không biết việc thoả thuận mua bán xe giữa H và C, nên cơ quan chức năng không xem xét xử lý đối với chị H là đúng quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn H, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tại phiên toà, bị cáo H có ý kiến không có nguyện vọng được lấy lại giấy chứng minh nhân dân này. Do vậy 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn H được lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về quan điểm truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát: là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo H không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

[11] Bị cáo H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2] Căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Bùi Văn H: 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Bùi Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Văn H và người bị hại Nguyễn Văn H1 như sau:

Bị cáo Bùi Văn H có trách nhiệm phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn H1 số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Được trừ vào số tiền 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu tiền số 07591, quyển số 152, ngày 26/3/2021. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền là: 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS năm 2015 :

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 23, Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Thị H - có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSCM: 3
- CAHCM: 2
- Bị cáo: 1
- Bị hại: 1
- NCQLNVLQ: 2
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu HS + VP: 2

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang

